

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-12-2024

V/v "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Ngọc Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2024/QĐSXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 2001

Địa chỉ: Tổ I, ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Tô Hoàng Túc T, sinh năm 1999

Địa chỉ: Tổ C, khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

(Bà N, ông T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N trình bày: Bà N và ông T do tự quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào vào tháng 03 năm 2022, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường hay cự cãi nhiều lần, không thể hàn gắn tình cảm. Nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Toà án không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Tô Hoàng Túc T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất với nội dung trình bày của bà N về việc tìm hiểu và thời điểm chung sống với nhau. Ông thừa nhận ông và bà N có làm lễ cưới, sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, ông và bà N chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên cuộc sống không hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm không còn và không thể hàn gắn mối quan hệ, nay bà N yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, ông đồng ý.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thúy N có yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tranh chấp hôn nhân gia đình với ông Tô Hoàng Túc T. Ông T có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Nên, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, không phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ, các đương sự có nơi cư trú rõ ràng, nên áp dụng theo thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà N, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Tô Hoàng Túc T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ tháng 03/2022 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, không thể hàn gắn nên bà N, ông T thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, bà N và ông T chung sống như vợ chồng từ tháng 03/2022 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình về việc đăng ký kết hôn và giải quyết hậu quả của việc nam, nữ sống chung với nhau mà không đăng ký kết hôn. Do đó, Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết của Quốc hội số 35/2000/QH10, ngày 09/06/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối

cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Tô Hoàng Túc T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Không có con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông T trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280; khoản 1 Điều 317, Điều 322 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Thúy N và ông Tô Hoàng Túc T là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy N phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012920, ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Thúy N được nhận lại 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Tri Tôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (6).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Trung Hiếu**